TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 16-3-2023
V/v "tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Diệp.

Các Thẩm phán: Ông Hà Chí Quốc

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số số 04/2023/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc "tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"; do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 114/2022/ HNGĐ-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Trúc Tr, sinh năm 1966; địa chỉ: khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị Trúc Tr: Ông Vương Sơn H, sinh năm 1984; địa chỉ: Xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh (là Người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 14/5/2022) (có mặt).

- Bị đơn: Ông Vũ Di S, sinh năm 1957; khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Vũ Di S: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1962; địa chỉ: xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 28/5/2022) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/03/2022, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Trúc Tr và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Vương Sơn H trình bày:

Bà Tr và ông S chung sống với nhau vào năm 1983 và có 01 con chung tên Vũ Thụy Hồng Phương sinh ngày 14/7/1984 đến năm 1994 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Đến năm 2017, thì bà và ông S đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 53/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn thì về tài sản chung, nợ chung bà và ông S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, tuy nhiên, đến nay bà và ông S không tự thỏa thuận được về tài sản chung nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình chung sống bà và ông S có tài sản chung duy nhất là phần đất có diện tích 400m^2, thuộc thửa đất số 436, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Nguồn gốc phần đất này do bà và ông S nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Châu, sinh năm 1944 (đã chết) vào ngày 18/12/1987. Năm 2005, bà Tr và ông S đã sang nhượng cho ông Vũ Xuân Kim và bà Hoàng Thị Hoa phần đất có diện tích 97.5m^2. Hiện nay, phần đất trên có diện tích 310,3m^2, thửa đất số 58, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho bà và ông S ngày 08/9/2016, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là CS07705. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay do ông S đang cất giữ, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do ông S đang quản lý, sử dụng. Về nợ chung bà và ông S không có.

Nay khởi kiện bà Tr yêu cầu chia tài sản chung giữa bà và ông S đối với phần đất trên. Bà Tr yêu cầu được nhận ½ tài sản theo kết quả đo đạc của Công ty TNHH MTV địa chính Việt, bà Tr yêu cầu được nhận hiện vật và căn nhà cấp 4. Đối với hàng rào nếu giao cho ai thì người đó được quyền sử dụng và không cần phải trả lại giá trị cho người kia. Bà Tr không yêu cầu định giá đối với phần mái che bằng tol có diện tích là 16.5m^2. Nếu Tòa án giao nhà cho ai thì người đó được quyền sử dụng mái che bằng tol có diện tích 16.5m^2 và không cần phải trả lại giá trị cho người kia. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Vũ Di S và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Đỗ Thị M trình bày:

Ông S và bà Tr chung sống với nhau vào tháng 12/2003 và có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Phía nguyên đơn trình bày ông S và bà Tr chung sống với nhau vào năm 1994 là không đúng. Chị Vũ Thụy Hồng Phương, sinh ngày 14/7/1984 có phải con của ông S hay không thì ông S không biết. Năm 2017, bà Tr và ông S ly hôn với nhau theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 53/2017 ngày 27/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh. Nguyên nhân ly hôn do bà Tr không chăm lo cho gia đình, bà Tr thường xuyên đánh bạc và bị Công an thị trấn T xử phạt hành chính. Trong Quyết định thuận tình ly hôn về tài sản chung ông S và Trang tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tr yêu cầu chia tài sản là phần đất có diện tích thực tế hiện nay là 310,3m^2, thửa đất số 58, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh

Tây Ninh cấp cho ông Vũ Di S và bà Huỳnh Thị Trúc Tr ngày 08/9/2016, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS07705 thì ông S có ý kiến như sau:

Nguồn gốc phần đất trên do cha ruột ông S là ông Vũ Đình Đích tặng cho vào năm 1980 đến năm 1987 thì ông S đăng kí kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thời điểm năm 1980 là phần đất có diện tích 400m^{2,} thửa đất số 01, tờ bản đồ số 436, tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, đến năm 1992 thì ông S được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể, có những người làm chứng biết nguồn gốc đất do cha ông S tặng cho lại ông S gồm ông Đào Xuân Trường, ông Nguyễn Quang Thành, ông Vũ Xuân Kim và ông Phạm Tấn Lực. Năm 2005 ông S bán 5m ngang mặt tiền đường Lê Duẫn cho ông Vũ Xuân Kim, sinh năm 1951; trú tại: Tổ 1, ấp Thạnh Quới, xã Thạnh Đông, huyện T, tỉnh Tây Ninh với giá 30 cây vàng 9999 tương đương số tiền 237.000.000 đồng để lấy tiền đổ 50 xe đất để phần đất được cao như hiện nay và xây dựng căn nhà cấp 4. Khi ông S sang tên tách sổ cho ông Kim thì địa chính thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh yêu cầu phải có người thừa kế, nếu không thì phải có giấy xác nhận độc thân nên ông S mới cho bà Tr đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Ông S sử dụng đến tháng 9/2016 thì được đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 58, tờ bản đồ số 28, diện tích 310.3m^2 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Huỳnh Thị Trúc Tr và ông Vũ Di S ngày 08/9/2016. Kể từ khi cha ông S tặng cho ông S thì ông S bán một phần tài sản để xây dựng nhà cửa, tôn tạo tài sản như hiện trạng hôm nay. Về phần bà Tr không đóng góp, không tôn tạo bất kỳ một khoản nào vào khối tài sản này. Đối với việc ông S trình bày đồng ý chia cho bà Tr ½ giá trị tài sản theo biên bản giải quyết vụ việc ngày 10/5/20217 tại Công an thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh thì thời điểm đó ông S đồng ý như vậy nhưng nay ông S không đồng ý chia ½ giá trị tài sản cho bà Tr. Ông S không nhớ gì về việc khai báo tại Công an thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Nay ông S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Tr, trường hợp nếu bà Tr đồng ý thì ông S sẽ chia cho bà Tr 5.74m mặt tiền đường Lê Duẫn, ông S nhận 10m ngang còn lại và căn nhà cấp 4. Nếu bà Tr không đồng ý chia theo yêu cầu của ông S thì ông S yêu cầu chia theo tỷ lệ 3/7, ông S yêu cầu được nhận 70% tài sản và căn nhà cấp 4, ông S đồng ý chia cho bà Tr 30% tài sản. Đối với hàng rào nếu giao cho ai thì người đó được quyền sử dụng và không cần phải trả lại giá trị cho người kia. Ông S không yêu cầu định giá đối với phần mái che bằng tol có diện tích là 16.5m^2. Nếu Tòa án giao nhà cho ai thì người đó được quyền sử dụng mái che bằng tol có diện tích 16.5m^2 và không cần phải trả lại giá trị cho người kia. Ngoài ra, ông S không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Di S là bà Đỗ Thị M trình bày*:* Ông S thừa nhận phần đất trên là tài sản chung của ông S và bà Tr, tuy nhiên, nguồn gốc phần đất trên do cha ông S tặng cho chứ không phải nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Châu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2022/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 33, Điều 34, Điều 38, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Trúc Tr đối với ông Vũ Di S về việc tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

2. Bà Huỳnh Thị Trúc Tr được quyền sở hữu tài sản là phần đất có diện tích 151m^2, trong đó: Chiều dài hướng Đông là 18.71mét (là hàng rào tường xây) tính từ vị trí số 3 đến vị trí số 4, chiều dài hướng Tây là 18.82mét (giáp với phần đất chia cho ông S), chiều dài hướng Bắc, giáp đường Lê Duẫn) tính từ vị trí số 3 kéo dài về hướng Tây (dài 7.87mét) (hàng rào khung sắt), chiều dài hướng Nam là 8.23mét, giáp với một phần còn lại của thửa đất số 58 (hàng rào tường xây) thuộc phần đất có diện tích 310,3m^2, thửa đất số 58, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho bà và ông S ngày 08/9/2016, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là CS07705 tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

3. Ông Vũ Di S được quyền sở hữu tài sản là phần đất có diện tích 151.8m^2, trong đó: Chiều dài hướng Đông là 18.82mét (giáp với phần đất chia cho bà Tr), chiều dài hướng Tây là 18.93mét, giáp với thửa đất số 57 (hàng rào tường xây) tính từ vị trí số 1 đến vị trí số 2, chiều dài hướng Bắc, giáp đường Lê Duẫn) tính từ vị trí số 2 kéo dài về hướng Đông (dài 7.87mét) (hàng rào khung sắt), chiều dài hướng Nam là 8.22mét, giáp với một phần còn lại của thửa đất số 58 (hàng rào tường xây), và căn nhà cấp 4 trên đất có diện tích là 90.4m^2, trong đó, có phần mái che lợp tol có diện tích 16.5m^2 thuộc phần đất có diện tích 310,3m^2, thửa đất số 58, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho bà và ông S ngày 08/9/2016, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là CS07705 tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

(Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 3023/SĐ-HT ngày 30/6/2022 của Công ty TNHH MTV Địa Chính Việt được đính kèm với bản án là bộ phận không tách rời của bản án).

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục đăng ký, sang tên, chuyển quyền theo quy định của pháp luật.

4. Ông Vũ Di S có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Trúc Tr số tiền 35.804.550 (ba mươi lăm triệu tám trăm lẽ bốn nghìn năm trăm) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Nội dung kháng cáo: Theo đơn kháng cáo đề ngày 09 tháng 01 năm 2023 của ông Vũ Di S đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh: Sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chia tài sản 7/3, ông nhận 07 phần tài sản và căn nhà cấp 4, bà Tr nhận 3 phần.

Tại phiên tòa: Đại diện của ông S, bà Đỗ Thị M thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia cho ông S được hưởng 60% tài

sản, bà Tr hưởng 40% tài sản. Với lý do nguồn gốc đất 310,3m^2 là của cha ông S tặng cho lại ông S từ năm 1980, có nhiều người là chính quyền cùng thời điểm xác nhận; ông S kê khai đăng ký 400m^2 đất thổ cư đến năm 1992 ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trong khi bà Tr cung cấp giấy tay sang nhượng đất hoa màu (bản pho to) có nhiều nội dung mâu thuẫn, và ông S hoán toàn không thừa nhận có việc sang nhượng này, cũng không giao bất cứ giấy tờ gì cho bà Tr. Năm 2005 ông S chuyển nhượng cho ông Kim một phần đất để xây cất nhà, quá trình làm thủ tục cán bộ địa chính yêu cầu phải có người thừa kế hoặc giấy xác nhận tài sản riêng nên ông S cho bà Tr cùng đứng tên chuyển nhượng đất và kê khai phần đất còn lại. Năm 2008 ông S và bà Tr có viết giấy tự ly hôn với nhau, do bà Tr cờ bạc, đến năm 2017 hai người chính thức ly hôn, cũng không tranh chấp phần tài sản này.

- Người đại diện cho bà Tr, ông Vương Sơn H trình bày: Không đồng ý với nội dung kháng cáo của ông S và lời trình bày của người đại diện của ông S. Việc ông S và bà Tr chung sống với nhau là từ năm 1983, năm 1984 thì sinh con chung là chị Vũ Thụy Hồng Phương, có đăng ký kết hôn vào năm 1994 có đủ tài liệu chứng cứ chứng minh; về nguồn gốc đất do vợ chồng tạo được trong thời kỳ hôn nhân, mua từ năm 1986 có giấy tay và giấy xác nhân của địa phương. Vợ chồng cùng sinh sống và sử dụng đất đến năm 2016 vợ chồng cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông S cho rằng được cha cho nhưng không có tài liệu chứng minh ngoài lời xác nhận của người làm chứng. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay người đại diện cho ông S có thay đổi yêu cầu kháng cáo là yêu cầu chia tài sản theo tỷ lệ 6/4, trong khi đơn kháng cáo ông S yêu cầu chia theo tỷ lệ 7/3. Xét thấy việc thay đổi này không vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu nên chấp nhận.

Về nguồn gốc đất: ông S cho rằng do cha cho nhưng không có giấy tờ, tài liệu chứng minh; bà Tr cho rằng nhận sang nhượng nhưng nội dung giấy sang nhượng có nhiều nội dung mâu thuẫn và tẩy sửa, diện tích không phù hợp với phần đất mà vợ chồng tranh chấp.

Quá trình chung sống, bà Tr không có nghề chỉ là nội trợ. Ông S là lao động chính trong gia đình và là người kê khai đăng ký được cấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên có cơ sở xác định công sức đóng góp vào tài sản nhiều hơn bà Tr.

Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia cho ông S 60% tài sản, chia cho bà Tr 40% tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Sau khi Tòa án nhân huyện T xét xử sơ thẩm ngày 29-12-2022 đến ngày 09-01-2023 ông Vũ Di S có đơn kháng cáo, ông là người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm; Xét thấy việc kháng cáo là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của ông S là yêu cầu chia tài sản theo tỷ lệ 6/4, trong khi đơn kháng cáo ông S yêu cầu chia theo tỷ lệ 7/3. Xét thấy việc thay đổi này không vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu nên việc thay đổi này là phù hợp.

[2] Theo đơn kháng cáo ông Vũ Di S trình bày các lý do:

Phần đất diện tích 310,3 m^2 tại thửa 58, ờ bản đò 28 tại khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh có nguồn gốc là của cho ông Vũ Đình Đích tặng cho vào năm 1980. Những người làm chứng ông Xuân Trường, ông Nguyễn Quang Thành, ông Vũ Xuân Kim, ông Phạm Tấn Lực những người làm chứng là những người nguyên là cán bô, công chức nhà nước, lãnh đạo của xã Tân Thạnh. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng không khách quan là không đúng.

Bà Tr trình bày nhận chuyển nhượng nhưng không cung cấp được hợp đồng hoặc giấy tay chuyển nhượng; Năm 2008 bà Tr và ông không sống chung với nhau là do bà Tr đánh bài, không lo cho gia đình, thể hiện bằng giấy tay ly hôn hai người cùng ký; Kể từ khi cha ông cho phần đất trên thì ông bán 01 phần tài sản để xây nhà và tôn tạo như hiện nay.

[3] Xét kháng cáo của ông S thấy rằng:

[3.1] Bà Tr cho rằng phần đất trên do bà và ông S nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Châu, chứng cứ là bản phô tô giấy sang nhượng hoa màu.

Ông S cho rằng do cha ông S tặng cho ông S tuy không có tài liệu chứng minh, nhưng có lời trình bày của 04 (bốn) người làm chứng là ông Phạm Tấn Lực, ông Nguyễn Quang Thành, ông Vũ Xuân Kim và ông Đào Xuân Trường. đây là những người tham gia chính quyền cùng thời điểm ông S nhận tặng cho đất.

[3.2] Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Năm 1987 ông Vũ Di S có đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất (bút lục 92), đến năm 1992 ông S được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do một mình ông S đứng tên là phần đất có diện tích 400m^2, thửa đất số 436, tờ bản đồ số 01, do Ủy ban nhân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông S vào ngày 16/6/1992 (bút lục 89), năm 2000 ông S có đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đơn thể hiện ông S là chủ hộ, bà Tr là vợ ông S (bút lục 91), năm 2005 ông S có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đơn thể hiện bà Tr là vợ ông S (bút lục 88), cùng năm 2005 ông S và bà Tr có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Vũ Xuân Kim và bà Hoàng Thị Hoa (bút lục 86 và bút lục 87), đến năm 2006 thì bà Tr và ông S được cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất do Ủy ban nhân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Tr và ông S vào ngày 23/02/2006 (bút lục số 15)

Bà Tr và ông S có đăng ký kết hôn ngày 08/3/1994, theo Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao) do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh phát hành số 09, quyển sổ 01/1994 (bút lục số 06).

Giấy khai sinh bản sao do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh phát hành số 508, quyển sổ 01 ngày 07/12/2004 thể hiện Vũ Thụy Hồng Phương, sinh ngày 14/7/1984, có cha là Vũ Di S, mẹ là Huỳnh Thị Trúc Tr, người đăng ký khai sinh là ông Vũ Di S, ngày đăng ký khai sinh là 21/02/1986 (bút lục số 07).

Như vậy, có căn cứ xác định bà Tr và ông S đã chung sống với nhau từ năm 1984 đến năm 1994 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Ông S, bà Tr chung sống với nhau trước ngày 03/01/1987 do đó căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình xác định bà Tr và ông S là vợ chồng từ năm 1984.

Có căn cứ xác định tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng. Mặc khác, thời điểm năm 1992 khi ông S được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Luật đất đai chưa có quy định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ chồng phải cùng đứng tên.

Tuy nhiên xét về nguồn gốc đất, ông S trình bày nhận tặng cho từ cha ông S là có căn cứ, vì có chính quyền địa phương cùng thời kỳ ông S nhận tặng cho đất xác nhận; bà Tr cung cấp giấy tay (bản photo) ông S nhận sang nhượng đất hoa màu của ông Nguyễn Văn Châu, nhưng có nhiều nội dung mâu thuẫn như ngày sang nhượng là 18-12-1987 (trong đó số 7 có dấu sửa), tổ dân phố xác nhận lại là ngày 19-10-1986 (trước ngày nhận sang nhượng hơn 01 năm), về diện tích ghi số "20 x 250" nhưng ghi ngày là "hai mươi nhân năm mươi lăm", loại đất sang nhượng là "hoa màu", nhưng tờ kê khai của ông S vào ngày 23-10-1987 (trước ngày sang nhượng hơn 01 tháng) và loại đất là thổ cư. Mặt khác ông S không thừa nhận giấy sang nhượng đất này, cấp sơ thẩm không làm rõ và không thu thập giấy sang nhượng bản gốc mà lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phân chia đôi tài sản là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông S. Tại phiên tòa người đại diện của bà Tr cung cấp đơn xin chuyển thổ cư (bản pho to) của ông S có thể hiện phần đất của ông Châu, nhưng diện tích 8 x 8 mét, không trùng với diện tích đất tranh chấp và nội dung ông S xin chuyển về phần đất ông Châu, lý do đất tại nhà ông S thấp và nước ngập. Nên có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông S, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia cho ông S hưởng 60% tài sản, bà Tr hưởng 40% tài sản là phù hợp. Cụ thể như sau:

- Bà Huỳnh Thị Trúc Tr được quyền sở hữu tài sản là phần đất có tứ cận: Hướng Đông là 18.71mét (là hàng rào tường xây) tính từ vị trí số 3 đến vị trí số 4, hướng Tây là 18,81 mét (giáp với phần đất chia cho ông S), hướng Bắc, giáp đường Lê Duẫn) tính từ vị trí số 3 kéo dài về hướng Tây (dài 6,4m) (hàng rào khung sắt); hướng Nam là 6,4m, diện tích 119,9m^2 nằm trong thửa đất số 58, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh có giá trị

thực tế là 3.200.000.000 đồng và 40% giá trị ngôi nhà là 28.643.640 đồng. Tổng cộng phần tài sản bà Tr được chia là 3.228.643.640 đồng.

- Ông Vũ Di S được quyền sở hữu tài sản là phần đất có diện tích 182,9m^2, tứ cận: Chiều dài hướng Đông là 18.81mét (giáp với phần đất chia cho bà Tr), chiều dài hướng Tây là 18.93m, giáp với thửa đất số 57 (hàng rào tường xây) tính từ vị trí số 1 đến vị trí số 2; hướng Bắc, giáp đường Lê Duẫn) tính từ vị trí số 2 kéo dài về hướng Đông (dài 9.34m) (hàng rào khung sắt), chiều dài hướng Nam là 10.05m (hàng rào tường xây), và căn nhà cấp 4 trên đất có diện tích là 90.4m^2, trong đó, có phần mái che lợp tol có diện tích 16.5m^2, phần đất nằm trong thửa đất số 58, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh có giá trị thực tế là 4.670.000.000 đồng và 60% giá trị ngôi nhà là 42.965.460 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản ông S được chia là 4.755.930.920 đồng.

Chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

4.1. Án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên án phí được tính lại như sau:

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Bà Huỳnh Thị Trúc Tr phải chịu 72.000.000 đồng + 2%(1.228.643.640đồng) = 96.572.800 đồng án phí dân sơ thẩm

Ông Vũ Di S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

4.2.Về án phí phúc thẩm: Ông Vũ Di S là người cao tuổi nên được xem xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định, định giá tài sản là 14.000.000 đồng. Các đượng sự phải chịu tương ứng với tỷ lệ tài sản được chia. Cụ thể ông S được chia 60% tài sản thì phải chịu 8.400.000 đồng; bà Tr được chia 40% tài sản nên phải chịu 5.600.000 đồng. Bà Huỳnh Thị Trúc Tr đã nộp tạm ứng 14.000.000 đồng. Ông Vũ Di S có nghĩa vụ trả lại cho bà Huỳnh Thị Trúc Tr số tiền 8.400.000 (tám triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Di S

Sửa bản án sơ thẩm số 112/2022/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ vào Điều 33, Điều 34, Điều 38, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Trúc Tr đối với ông Vũ Di S về việc tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

2. Bà Huỳnh Thị Trúc Tr được quyền sở hữu tài sản là phần đất có diện tích 119,9m^2, trong đó: Chiều dài hướng Đông là 18.71mét (là hàng rào tường xây) tính từ vị trí số 3 đến vị trí số 4, chiều dài hướng Tây là 18.81mét (giáp với phần đất chia cho ông S), chiều dài hướng Bắc, giáp đường Lê Duẫn) tính từ vị trí số 3 kéo dài về hướng Tây (dài 6.4mét) (hàng rào khung sắt), chiều dài hướng Nam là 6.4mét, phần đất thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho bà và ông S ngày 08/9/2016, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là CS07705 tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

3. Ông Vũ Di S được quyền sở hữu tài sản là phần đất có diện tích 182,9m^2, trong đó: Chiều dài hướng Đông là 18.81mét (giáp với phần đất chia cho bà Tr), chiều dài hướng Tây là 18.93mét, giáp với thửa đất số 57 (hàng rào tường xây) tính từ vị trí số 1 đến vị trí số 2, chiều dài hướng Bắc, giáp đường Lê Duẫn) tính từ vị trí số 2 kéo dài về hướng Đông (dài 9.34mét) (hàng rào khung sắt), chiều dài hướng Nam là 10.05mét, (hàng rào tường xây), và căn nhà cấp 4 trên đất có diện tích là 90.4m^2, trong đó, có phần mái che lợp tol có diện tích 16.5m^2 phần đất thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho bà và ông S ngày 08/9/2016, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là CS07705 tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng do Công ty TNHH MTV Địa Chính Việt thực hiện).

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án này.

4. Ông Vũ Di S có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Trúc Tr số tiền 28.643.640 (hai mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi) đồng.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản:

Bà Huỳnh Thị Trúc Tr phải chịu 5.600.000 đồng. (Năm triệu sáu trăm ngàn đồng)

Ông Vũ Di S phải chịu 8.400.000 đồng. (Tám triệu bốn trăm ngàn đồng

Ông Vũ Di S có nghĩa vụ trả lại cho bà Huỳnh Thị Trúc Tr số tiền 8.400.000 (tám triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án bà Huỳnh Thị Trúc Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án ông Vũ Di S không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án ông Vũ Di S còn phải trả cho người được thi hành án bà Huỳnh Thị Trúc Tr số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

6. Về án phí:

- Bà Huỳnh Thị Trúc Tr phải chịu 96.572.800 (chín mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007125 ngày 03/3/2022, bà Huỳnh Thị Trúc Tr còn phải nộp thêm 84.072.800 (Tám mươi bốn triệu không trăm bảy mươi nghìn tám trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Vũ Di S được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Vũ Di S được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND.TTN;
- TAND. H.T;
- Chi cục THADS. H.T
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSPT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Diệp